

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2021.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Văn Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Đông Y, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ liên hệ: Fukushima K, Japan.

- Bị đơn: Anh **Trần Đức T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố H, Phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th (đã được Đại sứ quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Chị và anh Trần Đức T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 ngày 05/02/2016. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, quá trình chung sống, hai vợ chồng lại không hạnh phúc. Nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau, quan điểm sống cũng có nhiều khác biệt. Đồng thời do điều kiện kinh tế chị phải sang Nhật Bản để lao động dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, các xung đột phát sinh ngày một nhiều không thể hòa giải được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chị và anh Trần Đức T có một con chung là cháu Trần Hồng P, sinh ngày 07/3/2016. Ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Trần Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại Bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Đức T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân : Anh và c hị Nguyễn Thị Th lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 ngày 05/02/2016. Sau khi chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm , đã sống ly thân và hiện tại chị Th đã đi Nhật Bản làm ăn kinh tế. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Th có một con chung là cháu Trần Hồng P, sinh ngày 07/3/2016. Do điều kiện kinh tế khó khăn , đang ở trọ, không có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc con nên anh đồng ý sau khi ly hôn , giao cháu P cho chị Th nuôi dưỡng và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Th và bị đơn Trần Đức T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, các đương sự trong vụ án đã có Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại Điều 21 Bộ Luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Thịnh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Đức T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 ngày 05/02/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm , đã ly thân nên chị Nguyễn Thị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và anh Trần Đức T cũng có bản tự khai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn . Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận Đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, chị Th được ly hôn với anh Trần Đức T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Đức T có một con chung là cháu Trần Hồng P, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, chị Th xin được nuôi con, không yêu cầu anh Trần Đức T cấp dưỡng nuôi con; anh Trần Đức T cũng có bản tự khai đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận : Giao cháu Trần Hồng P, sinh ngày 07/3/2016 cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Đức T xác định không có, tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Đức T xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0002595 ngày 25/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí chị Nguyễn Thị Th phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 21, 28, 37, 464, 474, 476, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 118, Điều 119, Điều 122, Điều 123, Điều 127, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hồng P, sinh ngày 07/3/2016, cho chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời anh Trần Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về nợ chung và tài sản chung của chị Th, anh T trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0002595 ngày 25/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí chị Nguyễn Thị Th phải nộp.

5. Bà Nguyễn Thị Th và Ông Trần Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông